

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định nhiệm vụ, chi phí khảo sát giai đoạn lập thiết kế
BVTC - dự toán, dự án: Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng
đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4211/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt chủ trương đầu tư tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt dự án tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn;

Sau khi xem xét hồ sơ Nhiệm vụ khảo sát xây dựng giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & XD Hạ tầng H.ý Hoàng lập, UBND huyện Triệu Sơn trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định nhiệm vụ, chi phí khảo sát giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, dự án: Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn với các nội dung sau:

I. Thông tin chung công trình:

1. Tên dự án: Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn.

2. Cấp công trình: Cấp IV.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

4. Địa điểm xây dựng: Các xã: Dân Lý, Tiến Nông, Khuyên Nông, Đồng Tiến, Đồng Thắng.

5. Tổng mức: 53.972,3 triệu đồng.

6. Giá trị dự toán khảo sát xây dựng: **1.316.611.000 đồng.**

(Một tỷ ba trăm mười sáu triệu, sáu trăm mười một nghìn đồng chẵn)

Trong đó: + Chi phí khảo sát địa hình: 829.051.000 đồng.
+ Chi phí khảo sát địa chất: 487.560.000 đồng.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh.

8. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn và ổn định cho đê hữu sông Hoàng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, kết nối và đồng bộ hạ tầng giao thông trong khu vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện Triệu Sơn.

II. Nhiệm vụ khảo sát

Nhiệm vụ khảo sát giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán có các nội dung cơ bản sau:

1. Khảo sát địa hình

1.1. Tuyến đê: (đo bổ sung)

- Đo bình đồ tuyến;
- Đo cắt dọc, ngang tuyến đê.

1.2. Công dưới đê: (đo bổ sung 02 công)

- Đo bình đồ;
- Đo cắt dọc, ngang công.

1.3. Các tuyến đường dân sinh kết nối với đê

- Đo bình đồ;
- Đo cắt dọc, ngang.

1.4. Các dốc lên đê

- Cắt dọc, cắt ngang.

*) Yêu cầu kỹ thuật

- Đo bình đồ lộ tuyến đê: Tỷ lệ đo: 1/2000, khoảng cách đồng mức 0,5m. Đo từ Ngã ba chợ Cầu Thiều (giao với QL 47) thuộc xã Dân Lý đến điểm tiếp giáp đường bê tông hiện có, theo phương ngang tuyến đê lấy từ chân đê về mỗi phía 20m.

- Đo bình đồ bổ sung thêm 02 công dưới đê: Tỷ lệ đo 1/500, đường đồng mức 0,5m. Dọc theo công lấy từ chân đê về 2 phía 30-40m, theo phương ngang công từ tim công lấy về mỗi phía 30m.

- Đo bình đồ đường dân sinh kết nối với đê: Tỷ lệ đo 1/500, đường đồng mức 0,5m. Đo hết chiều dài tuyến đường, theo phương ngang lấy từ tim về mỗi phía 15m.

- Đo cắt dọc, ngang đê: Tỷ lệ đo cắt dọc: Dài 1/2000, đứng 1/100; cắt ngang TL: 1/200; phạm vi đo vẽ cắt dọc theo bình đồ tuyến đê; mật độ các cọc bình quân (20-25)m/1cọc bao gồm cả các cọc giai đoạn dự án, địa hình thay đổi đóng dày hơn. Đo cắt ngang tất cả các cọc bổ sung trên cắt dọc, chiều rộng mặt cắt ngang lấy bằng (1,5 ~ 2) lần chiều rộng của đê thiết kế.

- Đo cắt dọc, ngang 02 công dưới đê: Tỷ lệ đo cắt dọc: Dài 1/500, đứng 1/200; cắt ngang TL: 1/200. Mật độ các cọc bình quân 25m/1cọc, địa hình thay đổi đóng dày hơn. Đo cắt ngang tất cả các cọc trên cắt dọc, lấy từ tim về mỗi phía: 20m.

- Đo cắt dọc, ngang các dốc đê: Tỷ lệ đo cắt dọc: Dài 1/500, đứng 1/100; cắt ngang TL: 1/200. Mật độ các cọc bình quân 25m/1cọc, địa hình thay đổi đóng dày hơn. Đo cắt ngang tất cả các cọc trên cắt dọc, lấy từ tim về mỗi phía: 15m.

- Đo cắt dọc, ngang các đường dân sinh kết nối với đê: Tỷ lệ đo cắt dọc: Dài 1/1000, đứng 1/100; cắt ngang TL: 1/200. Phạm vi đo vẽ theo bình đồ; mật độ các cọc 50m/1cọc, địa hình thay đổi đóng dày hơn. Đo cắt ngang tất cả các cọc trên cắt dọc, phạm vi rộng 1,2 b (b là chiều rộng 2 chân đường).

Yêu cầu: - Điều tra mực nước lũ Max, Min.

2. Khảo sát địa chất

a) Tuyến đê

Theo phương dọc: Dự kiến trung bình 500m khoan 1 hố.

Theo phương ngang: Lập các lát cắt địa chất ngang tuyến đê gồm 3 hố/1 mặt cắt (1 hố đỉnh, 2 hố chân đê phía sông và phía đồng), khoảng cách các mặt cắt ngang 1000m/ mặt cắt. Chiều sâu hố khoan tại tim đê từ (8-12)m, các hố tại chân đê sâu từ (4-8)m. Trường hợp gặp tầng đất yếu phải có ít nhất một hố vượt qua tầng đất yếu và vào lớp đất tốt 2m.

b) Cổng dưới đê

Khoan khảo sát 2 cổng nối dài tại K12+682 và k17+304: Khoan tay 01 hố tại phía nối dài, cách cửa cổng cũ (4-5)m, chiều sâu hố khoan từ (4-8)m.

c) Các tuyến đường dân sinh kết nối với đê:

Khoan 01 mặt cắt địa chất dọc mỗi tuyến đường thi công, khoảng cách các hố khoan trung bình (200-300)m; chiều sâu hố khoan dự kiến 4~5m.

d) Bãi vật liệu

Bãi vật liệu đất đắp đào khảo sát bổ sung 2 hố, đào không chống độ sâu từ (2-3)m, kích thước hố đào (1,25 x 0,8)m, trường hợp gặp nền đá gốc thì dừng lại.

e) Mẫu thí nghiệm

Mỗi lớp đất lấy 4 mẫu thí nghiệm. Các mẫu thí nghiệm làm đủ 17 chỉ tiêu cơ lý của đất nền. Đối với bãi vật liệu đất đắp thí nghiệm 3 mẫu chế bị, 2 mẫu đầm nện tiêu chuẩn.

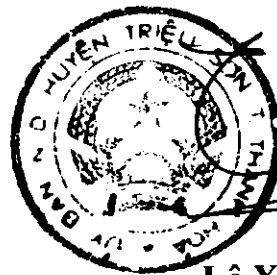
(Chi tiết có nhiệm vụ khảo sát giai đoạn thiết kế bản vẽ thi công kèm theo)

UBND huyện Triệu Sơn trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định nhiệm vụ, chi phí khảo sát giai đoạn lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, dự án: Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn với các nội dung trên. /b

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Lưu: VT, BQLDA, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Xuân Dương